

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/DS-ST
Ngày: 19-02-2024
v/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Hoàng Phúc;
- Bà Lê Thị Kiều Hương.

-Thư ký phiên tòa: Nguyễn Thị Kim Hà- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

-Đại diện Viện kiểm nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Lĩnh- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 295/2023/TLST- DS, ngày 7/11/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-DS ngày 09/01/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2024/QĐST-DS, ngày 31/01/2024; giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Bích C**, sinh năm 1973. Có mặt

Địa chỉ: Số 19 đường số 9, thôn Z, xã ĐH, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Hiện ở tại: Số 233 THĐ, thôn J, xã ĐT, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn:* Bà **Bùi Thị Ngọc D** (tên thường gọi là P), sinh năm 1972. vắng mặt.

Địa chỉ: Số 61 đường số 3, thôn X, xã ĐT, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Đoàn Văn H**, sinh năm 1971.
Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 61 đường số 3, thôn 5, xã ĐT, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/10/2023 cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo, bản khai, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Vào ngày 24/9/2009 âm lịch nhằm ngày 10/11/2009 dương lịch bà Bùi Thị Ngọc D (tên thường gọi là P) có vay của bà C số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng là 1%/tháng, thời hạn trả cũng thỏa thuận miệng là khi nào bà C báo cho bà D trước 01 tháng, để bà D chuẩn bị tiền trả. Mục đích vay là để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Để làm tin, bà D có giao cho bà C 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 403342. Ngày 23/4/2014 âm lịch nhằm ngày 21/5/2014 dương lịch bà D có viết giấy mượn lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 403342 và hứa sẽ trả tiền cho bà C. Tuy nhiên cho đến nay bà D vẫn chưa trả cho bà C số tiền vay, mặc dù bà C đi đòi nhiều lần. Trong thời gian vay bà D có trả lắt nhắt cho bà C gồm nhiều lần, tổng cộng tiền lãi là 5.000.000 đồng. Từ ngày mượn lại sổ đỏ cho đến nay bà D không trả lãi, trả gốc. Nay bà C yêu cầu vợ chồng bà D phải trả tiền gốc còn lại là 35.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 23/4/2014 âm lịch cho đến khi Tòa án giải quyết vụ án.

Chứng cứ do nguyên đơn đưa ra là 02 viết tay, thể hiện bà Bùi Thị P (Bùi Thị Ngọc P) có vay bà C số tiền là 40.000.000 đồng vào ngày 24/9/2009 âm lịch nhằm ngày 10/11/2009 dương lịch.

Trong quá trình tố tụng bị đơn bà Bùi Thị Ngọc D và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn H không đến tham gia tố tụng, nên Tòa án không ghi nhận ý kiến của bà D, ông H về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho bà D, ông H được biết. Tuy

nhien, đến nay Tòa án vẫn không nhận được ý kiến phản đối hay khiếu nại gì của bà D, ông H.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về giải quyết vụ án:

-Phần thủ tục: Thẩm phán thụ lý vụ án , xác định quan hệ pháp luật tranh chấp đúng quy định. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành xét xử vụ án đúng thủ tục. Nguyên đơn chấp hành pháp luật đúng theo quy định. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tuân thủ các quy định về tố tụng. Vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do, nên xét xử vắng mặt.

-Về nội dung: Căn cứ chứng cứ trong hồ sơ, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về phần thủ tục: Khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, áp dụng pháp luật để giải quyết quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện, chứng cứ kèm theo, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Quan hệ được xác lập vào năm 2009, nên áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là yêu cầu bà Bùi Thị Ngọc D và ông Đoàn Văn H trả nợ vay 35.000.000 đồng là có căn cứ. Vì nguyên đơn đưa ra các chứng cứ thể hiện bà Bùi Thị P- Tức là Bùi Thị Ngọc D có viết giấy vay của bà Nguyễn Thị Bích C số tiền 40.000.000 đồng vào ngày 24/9/2009 âm lịch- tức ngày 10/11/2009 dương lịch; trong giấy thể hiện nội dung: Bà Bùi Thị P vay của bà Nguyễn Thị Bích C số tiền 40.000.000 đồng và giao cho bà C Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số I 403342, có ký tên và ghi tên người mượn là Bùi Thị P; chứng cứ thứ hai, thể hiện nội dung: Ngày 23/4/2014 âm lịch bà P (D) có viết giấy mượn lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 403342 mà bà D đã giao cho bà C khi viết giấy vay tiền ngày 24/9/2009 âm lịch và hứa sẽ trả tiền cho bà C. Các chứng cứ và yêu cầu khởi kiện của bà C, Tòa án đã thông báo cho bà D và ông H biết, nhưng đến nay bà D, ông H cũng không có ý kiến phản đối gì. Qua xác minh xác định ông Đoàn Văn H và bà Bùi Thị Ngọc D (tên thường gọi là P), hiện trú tại số nhà 61 đường số 3, thôn 5, xã ĐT, huyện Đức Linh, đúng với địa chỉ do nguyên đơn cung cấp. Do đó, áp dụng Điều 96, 97 Bộ luật Tố tụng dân sự, để buộc bà D và ông Đoàn Văn H trả cho bà C số tiền còn lại 35.000.000 đồng là phù hợp Điều 471, Điều 474 của Bộ Luật Dân sự năm 2005.

[4] Về tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ: Theo giấy vay ngày 24/9/2009 âm lịch thể hiện hợp đồng vay không có lãi suất; bà C khai hai bên thỏa thuận miệng với nhau lãi suất là 1%/tháng; từ ngày vay 24/9/2009 âm lịch đến ngày viết giấy mượn lại sổ đỏ ngày 23/4/2014 âm lịch. Trong giấy mượn lại sổ đỏ bà D cam kết sẽ trả tiền cho bà C, cụ thể bà D viết: “Tôi hứa khi tôi mượn sổ đỏ về thì tôi sẽ đem tiền trả cho Nguyễn Thị Bích C”. Như vậy bà D có hứa sẽ trả nợ cho bà C sau khi mượn lại sổ đỏ (ngày 23/4/2014 âm lịch), xác định đây là thời hạn trả nợ, để tính lãi. Do đó căn cứ hướng dẫn tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, để xác định lãi suất phải trả là 0,75 (lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố) là có căn cứ theo quy định tại Điều 476, khoản 2 Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Tiền lãi tính như sau: từ ngày 23/4/2014 âm lịch- nhằm ngày 21/5/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm (19/2/2024) là 116 tháng 28 ngày; số tiền lãi:

$$35.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\% \times (116 + \frac{28}{30}) = 30.695.000 \text{ đồng}.$$

[5] Về án phí: Bà D và ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 96, 97, 147, 184, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 471, 474, 476, khoản 2 Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bà Bùi Thị Ngọc D (tên thường gọi là P) và ông Đoàn Văn H liên đới phải trả cho bà Nguyễn Thị Bích C số tiền 65.695.000 đồng (trong đó tiền gốc 35.000.000 đồng, tiền lãi 30.695.000 đồng).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Bích C có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Bùi Thị Ngọc D và ông Đoàn Văn H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Bà Bùi Thị Ngọc D và ông Đoàn Văn H phải chịu 3.284.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Bích C không phải chịu án phí, trả lại cho bà Nguyễn Thị Bích C 2.550.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017711, ngày 7/11/2023 của C cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án: 19/2/2024; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự;
thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thái